TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HS-ST.
Ngày 11/4/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Hòa.

Ông Bùi Văn Cuôi.

Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Hứa Văn Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2025/TLST-HS, ngày 12 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Trương Công C, sinh ngày 03/10/1998, nơi sinh tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Tùng C1, sinh năm 1975 và bà Thạch Thị Kim H, sinh năm 1979; bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1998; con có 01 người sinh năm 2018; anh, chị, em ruột gồm có 04 người (kể cả bị cáo), lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2002. Tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt. Bị giữ khẩn cấp và tạm giữ hình sự ngày 16/8/2024 đến ngày 22/8/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Bị cáo Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 17/11/1994, nơi sinh tại tỉnh Kiên Giang. Nơi thường trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh Ú, sinh năm 1971 và bà Lê Thị S, sinh năm 1974; bị cáo chung sống như vợ

chồng với anh Nguyễn Minh T2, sinh năm 1993; con có 01 người sinh năm 2015; anh, chị, em ruột: Chỉ một mình bị cáo. Tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt. Bị giữ khẩn cấp và tạm giữ hình sự ngày 16/8/2024 đến ngày 22/8/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Bị hại:

1. Bà Đỗ Thị L, sinh ngày 01/01/1971. Địa chỉ: Ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. Đỗ Chí Q, sinh ngày 01/01/2011. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho Đỗ Chí Q:

- Ông Đỗ Văn Q1, sinh ngày 01/01/1969. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.
- Bà Trần Thị N, sinh ngày 01/01/1970. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Lê Thị Thúy Q2, sinh ngày 27/12/2007. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho Lê Thị Thúy Q2: Bà Đặng Thị Hồng P, sinh năm 1986. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4. Chị Trương Thị Huyền T3, sinh ngày 13/4/1990. Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

5. Chị Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 25/8/2008. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho Nguyễn Thị Yến N1:

- Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1975. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.
- Bà Đặng Bạch Hải Y, sinh năm 1978. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

6. Chị Huỳnh Thị Mỹ H1, sinh ngày 04/8/1986. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

7. Chị Huỳnh Thị Mỹ L1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị C2, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. Bà Trương Thị Bạch T5, sinh ngày 15/10/1971. Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Chị Huỳnh N2, sinh ngày 20/12/1998. Địa chỉ: Ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, không có lý do.

2. Anh Nguyễn Anh K, sinh năm 2008. Vắng mặt không có lý do.

Người đại diện hợp pháp cho anh Nguyễn Anh K: Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1976. Vắng mặt không có lý do.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Chị Nguyễn Thị Thu A, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không có lý do.

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa: Một xe mô tô biển số 59C1-682.99, nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo 4, màu xám đen, số khung 5P11023936, số máy RLCN5P1108Y023936, không gương chiếu hậu bên trái và bên phải, không có chìa khóa xe, xe cũ, đã qua sử dụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trương Công C và bị cáo Nguyễn Thanh T1 sống chung với nhau như vợ chồng. Khoảng cuối tháng 6 đầu tháng 7 năm 2024, hai bị cáo đến sống tại nhà bị cáo C thuộc ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh, nhưng không có nghề nghiệp. Bị cáo C rủ bị cáo T1 đi cướp giật tài sản để có tiền tiêu xài, bị cáo T1 đồng ý.

Để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, C sử dụng phương tiện của mình là xe mô tô hiệu Yamaha, loại Nouvo, biển số 59C1-682.99 điều khiển chở T1 ngồi sau tìm kiếm những người là phụ nữ và trẻ em đang điều khiển xe mô tô có mang theo tài sản nhưng không bảo quản cẩn thận, khi đến đoạn đường vắng thì C điều khiển xe áp sát và trực tiếp giật lấy tài sản rồi đưa cho T1 giữ, T1 ngồi phía sau cầm giữ lấy tài sản vừa giật được đồng thời che chắn tạo thuận lợi cho bị cáo C điều khiển xe chạy thoát.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 15/8/2024, Chánh điều khiển xe mô tô biển số 59C1-682.99 chở T1 ngồi sau, đi từ nhà thuộc ấp C, xã V, huyện C ra Quốc lộ E chạy về hướng thị xã D tìm kiếm những người đang điều khiển xe mô tô trên đường có mang theo tài sản thì sẽ cướp giật. Khi đi đến đoạn thuộc ấp M, xã M, huyện C, C phát hiện chị Huỳnh N2 đang điều khiển xe mô tô biển số 84L1-668.84 chở mẹ ruột bà Đỗ Thị L, cùng ngụ ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh chạy hướng đi về thị xã D, bà L có đeo 01 túi xách màu kem trên vai trái (bên trong có tiền Việt Nam 2.361.000 đồng, 01 cái ví nhỏ, 01 căn cước công dân, 02 thẻ ATM, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy đăng ký xe) nên C điều khiển xe bám theo tìm cơ hội giật lấy túi xách.

Đến khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày, khi đi đến đoạn Quốc lộ E thuộc ấp S, xã L, huyện C, C thấy trên đường vắng xe qua lại nên tăng ga điều khiển xe vượt lên áp sát phía bên trái xe chị N2, khi áp sát Chánh dùng tay phải giật lấy chiếc túi xách của bà L đưa cho T1 giữ rồi tăng ga chạy về hướng thị xã D một đoạn khoảng 01km thì quay đầu xe lại chạy hướng về huyện C để về nhà, khi đến Cầu phía sau chợ C4, C dừng xe lại, T1 đưa túi xách cho Chánh kiểm tra trong túi có tiền Việt Nam là 2.361.000 đồng và một số giấy tờ cá nhân, Chánh lấy hết tiền cất vào túi quần, còn giấy tờ cá nhân của bà L bỏ vào túi xách rồi ném hết xuống sông. Có được tiền, Chánh mua thuốc lá hết 50.000 đồng rồi điều khiển xe chở T1 đến nhà anh Nguyễn Hoàng L3, ngụ ấp C, xã V, huyện C uống rượu, tại đây Chánh đưa cho T1 số tiền 1.000.000 đồng, số tiền còn lại 1.311.000 đồng Chánh cất giữ để tiêu xài.

Sau khi bị cướp giật tài sản, bà Đỗ Thị L và chị Huỳnh N2 đến Công an xã L trình báo. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C xác minh làm rõ bị cáo Trương Công C3 và bị cáo Nguyễn Thanh T1 là người thực hiện hành vi cướp giật tài sản nêu trên, nên ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, quyết định tạm giữ hình sự phục vụ kiểm tra xác minh, đồng thời, quản lý bị cáo C: Số tiền 1.311.000 đồng, 01 xe mô tô biển số 59C1-682.99, một mũ bảo hiểm màu trắng, một áo khoát, một áo sơ mi, một căn cước công dân; quản lý bị cáo T1: Số tiền 1.000.000 đồng, một điện thoại di động hiệu Vivo Y15A bên trong có sim số 0813.595.219, một mũ bảo hiểm màu đỏ và tiến hành khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của bị cáo C quản lý một mũ bảo hiểm màu đen. Quá trình điều tra, bị cáo C và bị cáo T1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 27/KL.HĐĐG ngày 04/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: Trị giá tài sản một túi xách bằng da màu kem là 240.000 đồng. Tổng tài sản của bà Đỗ Thị L bị thiệt hại là 2.601.000 đồng (gồm số tiền 2.361.000đ và trị giá túi xách 240.000đ).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã chứng minh trước đó bị cáo Trương Công C và bị cáo Nguyễn Thanh T1 đã thực hiện 06 lần cướp giập tài sản trên địa bàn huyện C cùng với phương thức, thủ đoạn như trên, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng 09 giờ ngày 13/7/2024, trên tuyến đường huyện 35 đoạn thuộc ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, 02 bị cáo cướp giật một điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y15A, bên trong có 01 sim số 0339.440.939 của Đỗ Chí Q, sinh năm 2011 đang cầm trên tay ngồi phía sau xe mô tô loại Vision, biển số 84E1-410.96 do bà Trần Thị N, sinh năm 1970 (mẹ của Q) điều khiển. Sau khi cướp giật, bị cáo T1 tháo sim ra ném bỏ và gắn sim số 0813.595.219 vào để sử dụng. Cơ quan cảnh sát điều tra đã quản lý được điện thoại này khi giữ khẩn cấp bị cáo T1.

Kết luận định giá tài sản số 22/KL.HĐĐG ngày 20/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: Một điện thoại di động hiệu Vivo Y15A và một sim nêu trên trị giá là 1.570.000 đồng.

- Lần thứ hai: Khoảng 12 giờ cùng ngày 13/7/2024, Lê Thị Thúy Q2, sinh ngày 27/12/2007, ngụ ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh đang điều khiển xe mô tô Cup 50, biển số 84AD-015.66 đi trên tuyến đường nhựa liên ấp đoạn thuộc ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì bị 02 bị cáo C và T1 cướp giật tài sản để trong rổ xe mô tô gồm một cái ví da màu đen, bên trong có 700.000 đồng và một số giấy tờ cá nhân. Số tiền cướp giật được 02 bị cáo tiêu xài hết, còn giấy tờ cá nhân bị cáo C đã ném bỏ xuống sông.

- Lần thứ ba: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 24/7/2024, trên tuyến Quốc lộ E đoạn thuộc ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh, chị Trương Thị Huyền T3, sinh năm 1990 một mình đang điều khiển xe mô tô loại Vision, biển số 84E1-259.68,

khi điều khiển xe chị T3 để trong túi quần một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A54, bên trong có 01 sim số 0354.290.484, do một phần điện thoại bị hở ra bên ngoài túi quần nên bị 02 bị cáo C và T1 điều khiển xe áp sát cướp giật rồi nhanh chóng chạy thoát. Sau khi cướp giật được điện thoại, 02 bị cáo đem bán cho chị Nguyễn Thị C2, sinh năm 1983, ngụ ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh là chủ cửa hàng mua bán điện thoại di động "Diễm Thư" được số tiền 1.200.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Tại kết luận số 27/KL.HĐĐG ngày 04/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận định giá tài sản một điện thoại di động hiệu S1 A54 và một sim nêu trên trị giá 6.020.000 đồng.

- Lần thứ tư: Khoảng 13 giờ ngày 25/7/2024, trên tuyến Quốc lộ E đoạn thuộc ấp T, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh, 02 bị cáo C và T1 cướp giật một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax, bản 64GB, bên trong có 01 sim số 0763.148.135 của Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 25/8/2008 đang ngồi phía sau xe mô tô biển số 84AD-031.79, loại SYM Angela nghe điện thoại do Nguyễn Anh K, sinh năm 2008 điều khiển, cả 02 bị cáo đem bán điện thoại cướp giật cho chị Nguyễn Thị C2 mua số tiền 1.000.000 đồng và tiêu xài hết.

Tại kết luận số 27/KL.HĐĐG ngày 04/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận định giá tài sản một điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax, bản 64GB và một sim nêu trên trị giá 4.270.000 đồng

- Lần thứ năm: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 29/7/2024, chị Nguyễn Thị Thu A điều khiển xe mô tô biển số 84E1-107.01 chở chị Huỳnh Thị Mỹ H1, sinh năm 1986, ngụ ấp B, xã M, huyện C ngồi phía sau có mang theo một túi xách bằng da màu xám, bên trong có tiền Việt Nam 3.200.000 đồng và một số giấy tờ cá nhân, đi trên tuyến Quốc lộ E đoạn thuộc khóm Mỹ C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì 02 bị cáo điều khiển xe áp sát cướp giật rồi nhanh chóng chạy thoát. Số tiền cướp giật được 02 bị cáo tiêu xài hết, còn giấy tờ bị cáo C ném bỏ trên đường đal đoạn thuộc ấp B, xã M, huyện C, bị hại là chị H1 đã tìm lại được.

Tại bản kết luận số 27/KL.HĐĐG ngày 04/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận định giá tài sản một túi xách nêu trên trị giá 105.000 đồng. Như vậy, tổng tài sản chị Huỳnh Thị Mỹ H1 bị thiệt hại là 3.305.000 đồng (gồm số tiền 3.200.000đ và trị giá túi xách 105.000đ).

- Lần thứ sáu: Khoảng 12 giờ 30 ngày 03/8/2024, trên tuyến đường huyện 19 đoạn thuộc ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, chị Huỳnh Thị Mỹ L1, một mình đang điều khiển xe mô tô loại Sirius, biển số 84E1-355.40, khi điều khiển xe chị L1 để trong túi quần một điện thoại di động hiệu Redmi 9A, bên trong có 01 sim số 0765.944.256, do một phần điện thoại bị hở ra bên ngoài túi quần, 02 bị cáo C và T1 điều khiển xe áp sát cướp giật rồi nhanh chóng chạy thoát. Sau đó, bị cáo C đem điện thoại bán cho chị Nguyễn Thị C2 được số tiền 300.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Tại bản kết luận số 27/KL.HĐĐG ngày 04/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận định giá tài sản một điện thoại di động hiệu Redmi 9A và một sim nêu trên trị giá 670.000 đồng.

Ngày 18/8/2024 và 29/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố các bị cáo Trương Công C và Nguyễn Thanh T1 về tội cướp giật tài sản, áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam các bị cáo để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 27/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiến hành thực nghiệm điều tra, kết quả thực nghiệm phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại, người làm chứng, vật chứng đã quản lý và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với chị Nguyễn Thị C2 khi mua chiếc điện thoại di động nhưng không biết đây là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên không xử lý.

Vật chứng của vụ án:

- Trả cho bị hại bà Đỗ Thị L số tiền 2.311.000 đồng.
- Trả cho ông Đỗ Văn Q1 (cha của bị hại Đỗ Chí Q): 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y15A.
- Trả cho ông Trương Tùng C1 (cha bị cáo C) gồm: 01 căn cước công dân mang tên Trương Công C, 03 mũ bảo hiểm, 01 áo khoác, 01 áo sơ mi, 01 sim điện thoại số 0813.595.219.
- Đối với 03 chiếc điện thoại của 03 bị hại: Trương Thị Huyền T3, Nguyễn Thị Yến N1 và Huỳnh Thị Mỹ L1. Các bị cáo bán cho chị C2, sau đó chị C2 đã bán lại cho người khác không rõ họ tên, địa chỉ nên không thu hồi được.
- Đối với túi xách, ví da và các loại giấy tờ cá nhân của bị hại Đỗ Thị L, Lê Thị Thúy Q2, bị cáo C đã ném bỏ xuống sông nên không truy tìm được.

Về trách nhiệm dân sự:

- Các bị hại Đỗ Thị L, Huỳnh Thị Mỹ L1 và đại diện hợp pháp của bị hại Đỗ Chí Q không yêu cầu các bị cáo bồi thường.
- Bị hại chị Huỳnh Thị Mỹ H1 yêu cầu bồi thường số tiền 3.200.000 đồng và chị Lê Thị Thúy Q2 yêu cầu bồi thường số tiền 700.000 đồng. Bị cáo C và bị cáo T1 có tác động nhờ người thân bồi thường thay cho các bị cáo. Bà Trương Thị Bạch T5 (cô ruột bị cáo C) thay mặt hai bị cáo đã bồi thường cho chị H1 số tiền 3.200.000 đồng và bồi thường cho chị Q2 số tiền 700.000 đồng, các bị hại này không yêu cầu bồi thường gì thêm.
- Bị hại Trương Thị Huyền T3 yêu cầu các bị can bồi thường thiệt hại một điện thoại di động Samsung Galaxy A54 theo kết luận định giá là 6.020.000 đồng. Các bị cáo chưa bồi thường.
- Bị hại Nguyễn Thị Yến N1 yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại một điện thoại di động Iphone Xsmax theo kết luận định giá là 4.270.000 đồng. Các bị cáo chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số: 13/CT-VKS-HS, ngày 12/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố các bị cáo Trương Công C và Nguyễn Thanh T1 về tội "Cướp giật tài sản" quy định tại điểm điểm b, d, g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Trương Công C và Nguyễn Thanh T1 cùng khai nhận: Hành vi phạm tội của các bị cáo đúng bản Cáo trạng mô tả. Các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung các bị cáo khai là tự nguyện, đúng sự thật, không ai ép buộc, các bị cáo không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng, mà thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

- Tại phiên tòa bị hại chị Trương Thị Huyền T3 trình bày: Ngày 24/7/2024, chị đang điều khiển xe mô tô loại Vision, biển số 84E1-259.68, điện thoại để trong túi quần, do một phần điện thoại bị hở ra bên ngoài túi quần nên bị 02 bị cáo C và T1 điều khiển xe áp sát cướp giật điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A54 của chị rồi nhanh chóng chạy thoát. Chị thống nhất định giá điện thoại trị giá 6.020.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự chị yêu cầu xét xử các bị cáo theo quy định pháp luật, về trách nhiệm hình sự chị yêu cầu 02 bị cáo bồi thường cho chị số tiền 6.020.000 đồng. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

- Tại phiên tòa các bị hại; người đại diện hợp pháp cho các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt và có đơn xin vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên ông Hứa Văn B đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

- *Về trách nhiệm hình sự:*

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trương Công C và Nguyễn Thanh T1 phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng điểm b, d, g khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trương Công C từ 04 năm đến 05 năm tù.

Áp dụng điểm b, d, g khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T1 từ 03 năm đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản cho bị hại chị Trương Thị Huyền T3 số tiền 6.020.000 đồng; bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị Yến N1 số tiền 4.270.000 đồng.

- Các bị hại và người đại diện hợp pháp của các bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo nộp áp phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo Trương Công C và Nguyễn Thanh T1 nói lời sau cùng: Các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi Cướp giật tài sản nêu trên là vi phạm pháp luật, các bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trương Công C và Nguyễn Thanh T1 khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng bản Cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai, biên bản hỏi cung của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Bị cáo Trương Công C và bị cáo Nguyễn Thanh T1 không có nghề nghiệp, các bị cáo đã bàn bạc thống nhất cùng nhau thực hiện hành vi cướp giật tài sản để có tiền tiêu xài. Bị cáo C điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Nouvo, biển số 59C1-682.99 chở bị cáo T1 ngồi sau áp sát giật lấy tài sản của bị hại và trẻ em đang điều khiển xe mô tô chạy trên đường. Khi giật được tài sản, bị cáo C đưa cho bị cáo T1 cầm giữ rồi tăng ga nhanh chóng điều khiển xe chạy thoát.

Trong khoảng thời gian từ ngày 13/7/2024 đến ngày 15/8/2024, bị cáo C và bị cáo T1 đã thực hiện 07 lần cướp giật tài sản của 07 bị hại trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh với tổng số tiền thiệt hại là 19.136.000 đồng, cụ thể:

- Lần 1: Vào khoảng 09 giờ ngày 13/7/2024, bị cáo C và bị cáo T1 cùng thực hiện hành vi cướp giật một điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y15A của Đỗ Chí Q, trị giá 1.570.000 đồng.

- Lần 2: Vào khoảng 12 giờ ngày 13/7/2024, bị cáo C và bị cáo T1 cùng thực hiện hành vi cướp giật được số tiền 700.000 đồng của Lê Thị Thúy Q2.

- Lần 3: Ngày 24/7/2024, bị cáo C và bị cáo T1 cùng thực hiện hành vi cướp giật một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A54 của chị Trương Thị Huyền T3, trị giá 6.020.000 đồng.

- Lần 4: Ngày 25/7/2024, bị cáo C và bị cáo T1 cùng thực hiện hành vi cướp giật một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax, bản 64GB của Nguyễn Thị Yến N1, trị giá 4.270.000 đồng.

- Lần 5: Ngày 29/7/2024, bị cáo C và bị cáo T1 cùng thực hiện hành vi cướp giật được số tiền 3.200.000 đồng và một túi xách trị giá 105.000 đồng của chị Huỳnh Thị Mỹ H1.

- Lần 6: Ngày 03/8/2024, bị cáo C và bị cáo T1 cùng thực hiện hành vi cướp giật một điện thoại di động hiệu Redmi 9A của chị Huỳnh Thị Mỹ L1, trị giá 670.000 đồng.

- Lần 7: Ngày 15/8/2024, bị cáo C và bị cáo T1 cùng thực hiện hành vi cướp giật được số tiền 2.361.000 đồng và một túi xách trị giá 240.000 đồng của bà Đỗ Thị Lệ .

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận đã sử dụng xe mô tô biển số 59C1-682.99 để làm phương tiện thực hiện 07 vụ Cướp giật tài sản của bị hại; trong khoảng thời gian từ ngày 13/7/2024 đến ngày 15/8/2024, các bị cáo đã thực hiện 07 lần cướp giật tài sản của 07 bị hại trên địa bàn huyện C với tổng số tiền thiệt hại là 19.136.000 đồng, mục đích cướp giật tài sản để lấy tiền để làm nguồn sinh sống hàng ngày, các bị cáo cướp giật tài sản của 02 bị hại là người dưới 16 tuổi. Các bị cáo thống nhất kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận nêu trên.

Từ những chứng cứ, căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Trương Công C và Nguyễn Thanh T1 phạm tội "Cướp giật tài sản" quy định tại điểm b, d, g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe để tham gia lao động, tạo ra của cải vật chất nuôi sống bản thân và giúp ích cho gia đình, nhưng các bị cáo không làm được việc này, vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải đi lao động, từ ngày 13/7/2024 đến ngày 15/8/2024, các bị cáo đã thực hiện 07 lần cướp giật tài sản của 07 bị hại trên địa bàn huyện C với tổng số tiền là 19.136.000 đồng, từ đó đã dẫn các bị cáo đến con đường phạm tội.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Các bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là "Phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo tác động người thân bồi thường khắc phục một phần hậu quả, các bị hại Huỳnh Thị Mỹ H1 và Lê Thị Thúy Q2 xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Trong khoảng thời gian từ ngày

13/7/2024 đến ngày 15/8/2024, các bị cáo đã thực hiện 07 lần cướp giật tài sản của 07 bị hại trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, các bị cáo sử dụng xe mô tô biển số 59C1-682.99 để thực hiện hành vi cướp giật tài sản của 07 bị hại là "Dùng thủ đoạn nguy hiểm" và cướp giật tài sản của 02 bị hại đều là người dưới 16 tuổi. Đây là các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt được quy định tại điểm b, d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm, bị cáo C là người đóng vai trò tích cực, thể hiện như rũ bị cáo T1 đi cướp giật tài sản, bị cáo C là người điều khiển xe mô tô và cũng là người trực tiếp cướp giật tài sản của bị hại, còn bị cáo T1 ngồi phía sau xe mô tô với vai trò là người giúp sức cho bị cáo C giữ lấy tài sản sau khi cướp giật được, sau đó cùng nhau đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, hành vi phạm tội của bị cáo C phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T1. Mục đích các bị cáo cướp giật tài sản của bị hại để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân là hành vi đáng lên án, gây ra sự bất bình trong quần chúng nhân dân, hành vi phạm tội của bị cáo làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội của 02 bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của 02 bị cáo. Hội đồng xét xử quyết định xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

[2]. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Huỳnh Thị Mỹ H1 yêu cầu bồi thường 3.200.000 đồng, bị hại Lê Thị Thúy Q2 yêu cầu bồi thường 700.000 đồng. Các bị cáo có tác động nhờ người thân bà Trương Thị Bạch T5 (cô ruột bị cáo C) đã bồi thường xong. Tại các biên bản ghi khai, chị H1 và chị Q2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Tại phiên tòa bị hại Trương Thị Huyền T3 yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại một điện thoại di động Samsung Galaxy A54 theo kết luận định giá là 6.020.000 đồng, các bị cáo đồng ý bồi thường. Xét thấy sự thỏa thuận giữa chị T3 và các bị cáo là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

- Tại biên bản ghi khai bị hại chị Nguyễn Thị Yến N1 yêu cầu các bị cáo bồi thường 01 điện thoại di động Iphone Xsmax theo kết luận định giá là 4.270.000 đồng. Các bị cáo đồng ý bồi thường. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này.

- Các bị hại bà Đỗ Thị L, chị Huỳnh Thị Mỹ L1; người đại diện hợp pháp bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về xử lý vật chứng: Xét thấy xe mô tô biển số 59C1-682.99, nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo 4, màu xám đen, số khung 5P11023936, số máy RLCN5P1108Y023936, không gương chiếu hậu bên trái và bên phải, không có chìa khóa xe, xe cũ, đã qua sử dụng. Các bị cáo đã sử dụng xe mô tô này làm

phương tiện thực hiện hành vi phạm tội cướp giật tài sản. Hội đồng xét xử quyết định tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[4]. Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Trương Công C và Nguyễn Thanh T1 có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[5]. Xét lời trình bày luận tội của Kiểm sát viên trình bày về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng; án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trương Công C và Nguyễn Thanh T1 phạm tội "Cướp giật tài sản".

- Căn cứ điểm b, d, g khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Công C 04 (bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 16 tháng 8 năm 2024.

- Căn cứ điểm b, d, g khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T1 03 (ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 16 tháng 8 năm 2024.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 588, 589 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP, ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

- Buộc các bị cáo Trương Công C và Nguyễn Thanh T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại tài sản cho chị Trương Thị Huyền T3 số tiền 6.020.000 đồng (Sáu triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng).

- Buộc các bị cáo Trương Công C và Nguyễn Thanh T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại tài sản cho chị Nguyễn Thị Yến N1 số tiền 4.270.000 đồng (Bốn triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: Một xe mô tô biển số 59C1-682.99, nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo 4, màu xám đen, số khung 5P11023936, số máy RLCN5P1108Y023936, không gương chiếu hậu bên trái và bên phải, không có chìa khóa xe, xe cũ, đã qua sử dụng.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trương Công C và Nguyễn Thanh T1, mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp 200.000 đồng án phí.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trương Công C và Nguyễn Thanh T1 có nghĩa vụ liên đới nộp 514.500 đồng (*Năm trăm mười bốn nghìn, năm trăm đồng*) án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo; bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm